

Số: 382/BC - HĐND

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Thẩm tra báo cáo của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội và thực hiện chính sách dân tộc ở khu vực miền núi 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018

Sau khi nghiên cứu báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2018; Báo cáo số 89/BC-BDT ngày 11 tháng 6 năm 2018 về kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018; qua giám sát chuyên đề 6 tháng đầu năm về thực hiện các chính sách dân tộc; Ban Dân tộc HĐND tỉnh cơ bản nhất trí với nhận định, đánh giá của UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2018, trong đó có tình hình thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn.

Mặc dù 6 tháng đầu năm thời tiết diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, sản xuất của một bộ phận nhân dân, song với sự quyết tâm cao của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự nỗ lực của các ngành và sự đồng thuận của nhân dân trong việc khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh đã đạt được những kết quả trên các lĩnh vực sau:

I. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2018

1. Về Kinh tế

Tổng diện tích gieo trồng là 88.590 ha bằng 97,15 % so với cùng kỳ, nhìn chung các cây trồng chủ yếu như lúa, ngô, sắn, lạc, đậu, mía năng suất cao hơn so với cùng kỳ, sản xuất vụ chiêm xuân được mùa.

Sản lượng khai thác gỗ ước đạt 249.096 m³, tăng 10%; khai thác 26.148 triệu cây tre, luồng tăng 2,4%; giấy nguyên liệu 37.663 tấn tăng 2% so với cùng kỳ. Trồng mới 4.230 ha rừng tập trung, tăng 14,8% so với cùng kỳ; khoanh nuôi, bảo vệ rừng được thực hiện theo kế hoạch. Công tác phòng chống cháy rừng được tăng cường, không để xảy ra cháy rừng, an ninh rừng được giữ vững.

Chăn nuôi 6 tháng đầu năm tuy gặp khó khăn do giá thịt gia súc, gia cầm nhất là lợn hơi giảm mạnh nhưng nhìn chung đàn gia cầm vẫn tăng 2,9% so với cùng kỳ. Công tác phòng chống dịch bệnh, chống rét cho đàn gia súc, gia cầm ngày càng được nhân dân chú trọng nên không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn ổn định bước đầu đạt hiệu quả. Các dự án lớn tiếp tục được triển khai, tiến độ thi công đảm bảo, chất lượng được chủ đầu tư và nhân dân giám sát chặt chẽ hơn.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế

- Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Việc cấp phát gạo, kinh phí và thực hiện chi trả chính sách cho học sinh bán trú, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh con hộ nghèo ở một số nơi còn chậm và

chưa kịp thời; chất lượng giáo dục ở một số xã vùng cao có sự chuyển biến, nhưng chưa rõ nét, thiếu nhà ở bán trú cho học sinh; tình trạng con em đồng bào dân tộc thiểu số tốt nghiệp các trường nghề, cao đẳng, đại học ra trường khó tìm việc làm ổn định phần nào đã ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm lý không muốn cho con em đi học lên các bậc học cao, của một số phụ huynh là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân: Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại tuyến xã còn gặp nhiều khó khăn, thiếu bác sĩ tại các tuyến cơ sở; nhận thức của một bộ phận nhân dân về chấp hành các thủ tục khám chữa bệnh bảo hiểm y tế như thiếu các giấy tờ tùy thân hoặc giấy tờ có sự sai lệch không trùng khớp, nên ảnh hưởng đến việc khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của nhân dân.

- Công tác đào tạo nghề và xuất khẩu lao động được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện. Trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn các huyện miền núi đào tạo nghề cho 3225 người; xuất khẩu lao động được 861 người đạt gần 28% kế hoạch năm.

3. Một số lĩnh vực khác

Tình trạng di cư tự do sang Lào và các tỉnh Tây nguyên vẫn còn xảy ra; sáu tháng đầu năm có 09 hộ/46 nhân khẩu tại các xã Trung Lý, Mường Lý và xã Pù Nhi huyện Mường Lát đã di cư ra khỏi địa phương.

Công tác xóa đói giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số có giảm, nhưng chưa bền vững; việc bình xét hộ nghèo tại một số ít địa phương chưa thật sự dân chủ, khách quan, người dân còn tâm lý muốn được công nhận hộ nghèo không muốn thoát nghèo. Chưa chịu khó lao động sản xuất, còn nặng tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

Năng lực lãnh đạo quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở còn hạn chế; chưa quan tâm đến việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện hiệu quả các chính sách trên địa bàn.

4. Kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững

4.1. Chương trình 135

a. Vốn đầu tư phát triển: Nguồn vốn đầu tư được giao là 131.074 triệu đồng, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho 100 xã đặc biệt khó khăn và 165 thôn bản của các xã khu vực II.

Kết quả thực hiện; Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng triển khai chậm, trong 6 tháng đầu năm 2018, các địa phương mới tập trung thực hiện thi công, hoàn thành các công trình chuyển tiếp; nguồn vốn năm 2018 hiện nay mới báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b. Vốn sự nghiệp: Nguồn vốn sự nghiệp được thông báo là 43.887 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí duy tu, bảo dưỡng các công trình là 6.654 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã 135 là 30.147 triệu đồng;

- Kinh phí nâng cao năng lực cán bộ cộng đồng là 7.086 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Kế hoạch giao vốn rất chậm, hiện nay chưa có hướng dẫn cho các huyện thực hiện, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình.

4.2. Nghị quyết 30a của Chính phủ

a. Vốn đầu tư phát triển: Nguồn vốn đầu tư được giao là 99.183 triệu đồng, hỗ trợ cho các xã ở 7 huyện nghèo.

Kết quả thực hiện: Vốn giao chậm, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện ở cơ sở.

b. Nguồn vốn sự nghiệp: Nguồn vốn sự nghiệp được giao là 80.469 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Kế hoạch giao vốn rất chậm, hiện nay chưa có hướng dẫn cho các huyện thực hiện, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình.

Nhìn chung các chương trình, dự án, chính sách dân tộc đầu tư, hỗ trợ cho khu vực miền núi được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện ngày càng có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đời sống cho nhân dân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên 6 tháng đầu năm 2018, tiến độ giải ngân các nguồn vốn chậm, nhất là nguồn vốn sự nghiệp ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai thực hiện ở cơ sở; nguồn lực đầu tư cho các Chương trình, chính sách dân tộc còn hạn chế; đa số là công trình có quy mô nhỏ, tổng mức đầu tư thấp, trong khi đó địa bàn miền núi rộng, nhu cầu đầu tư lớn; nguồn vốn để thực hiện một số đề án giảm nghèo, đã được tỉnh ban hành còn hạn chế, thậm chí một số dự án chưa được bố trí vốn để thực hiện. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho công tác giảm nghèo chưa tương xứng với tiềm năng của một số địa phương; việc lồng ghép các chính sách khó thực hiện do mỗi chính sách có mục tiêu, định mức, cơ chế quản lý và hướng dẫn riêng.

5. Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới

Vốn đầu tư phát triển: Nguồn vốn đầu tư phát triển được giao là 227 tỷ đồng; vốn sự nghiệp chưa phân bổ, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện ở cơ sở.

Nhìn chung những tháng đầu năm 2018, cấp ủy chính quyền các huyện miền núi tiếp tục có sự đổi mới, bám sát cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và đạt được những kết quả khá tích cực. Nhìn chung, các xã đều có sự cố gắng trong triển khai thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu đăng ký. Bên cạnh đó tiến độ xây dựng nông thôn mới nhìn chung còn chậm, chưa đảm bảo kế hoạch, chưa đồng đều giữa các xã. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí đăng ký trong năm 2017 của một số xã, huyện đạt thấp; một số ít huyện chưa chú trọng việc củng cố, duy trì, giữ vững các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt được.

Đánh giá chung: Trong 6 tháng đầu năm 2018, tình hình kinh tế xã hội tiếp tục có bước phát triển. Sản xuất nông nghiệp được mùa; sản xuất công nghiệp có bước tăng trưởng khá, nhiều nhà máy đi vào hoạt động, góp phần giải quyết việc làm tăng thu nhập cho nhân dân; các ngành dịch vụ phát triển nhanh,

công tác phát triển doanh nghiệp được quan tâm và đạt kết quả quan trọng; chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; chế độ chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời; đời sống nhân dân được nâng lên; an ninh biên giới, an ninh tôn giáo, trật tự an toàn xã hội, cơ bản được đảm bảo.

6. Kiến nghị với UBND tỉnh

6.1. Chỉ đạo các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện tăng cường kiểm tra, giám sát xử lý các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân.

6.2. Có biện pháp quản lý chặt chẽ chất lượng cung ứng, dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; quan tâm đến việc tiêu thụ các sản phẩm nông lâm sản cho bà con dân tộc miền núi.

6.3. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát chất lượng xây dựng cơ bản các công trình trọng điểm; phân bổ các nguồn vốn đầu tư, vốn sự nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia chậm, ảnh hưởng đến tiến độ khởi công các công trình, cũng như các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất.

6.4. Quan tâm hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả lũ lụt năm 2017; sớm giải quyết tốt vấn đề nhân dân thiếu đất sản xuất.

6.5. Hiện nay trên địa bàn các huyện miền núi còn rất nhiều hộ trước đây được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo nhóm hộ, nay phát sinh tranh chấp; một số nơi sử dụng đất lâm nghiệp và đất do các Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý không hiệu quả, thiếu công khai minh bạch, gây bức xúc trong nhân dân, bất bình trong lãnh đạo của địa phương.

6.6. Hiện nay còn một số thôn bản chưa có điện lưới quốc gia; nhiều xã, thôn bản đã có điện nhưng chất lượng điện kém, đề nghị tỉnh quan tâm đầu tư, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống cho nhân dân.

6.7. Trạm y tế xã, thị trấn đội ngũ cán bộ đã được tăng cường nhưng cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu, ảnh hưởng không nhỏ đến việc khám chữa bệnh cho nhân dân, đề nghị UBND tỉnh quan tâm.

6.8. Tình hình buôn bán, vận chuyển, sử dụng chất ma túy, truyền đạo trái phép trên tuyến biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gia tăng, diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi đề nghị có giải pháp chỉ đạo giải quyết.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018.

Nhất trí cao với các giải pháp của UBND tỉnh đề ra. Tuy nhiên, để phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững cho khu vực miền núi dân tộc, đề nghị UBND tỉnh cần quan tâm đến các giải pháp sau:

1. Tập trung đầu tư phát triển kinh tế rừng và chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc, nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất lâm nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực miền núi để sản xuất kinh doanh, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản cho nhân dân, nhất là tiêu thụ các sản phẩm chủ lực ở miền núi như: Trâu, bò, mía, sắn, cao su, nứa, vầu, gỗ keo, luồng... từng bước tháo gỡ khó khăn cho nhân dân.

2. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát xử lý nghiêm khắc đối với các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, nhất là các nhà máy sản xuất bột giấy, vàng mã, đũa tre... gần các sông, suối.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn; xây dựng cơ chế chính sách, bố trí nguồn vốn để xây mới trụ sở làm việc, trạm y tế cho các xã, thị trấn; đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình thủy lợi vừa và nhỏ phục vụ tưới tiêu ở các huyện, nhất là các công trình xuống cấp nghiêm trọng mất an toàn trong mùa mưa lũ.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Trên đây là báo cáo thẩm tra báo cáo của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2018, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban KT-NS HĐND tỉnh (để tổng hợp);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu tham dự kỳ họp;
- Lưu: VT, Ban DT.

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Thành